



**PHIẾU THU ĐỔI/BÁN NGOẠI TỆ**  
MONEY EXCHANGE RECEIPT

Số GD/Transaction No.:  
Mã GDVI/Staff Code:

Ngày/Date:.....

Người đề nghị/Applicant:.....

Số GTTT/ID No.:..... Ngày cấp/Date of issue:..... Nơi cấp/Place of issue:.....

Địa chỉ/Address:..... Điện thoại/Tel. No.:.....

Loại ngoại tệ/Currency exchange:

--	--	--

Tiền mặt/In cash      Tên tài khoản/Account name:.....

Trích tài khoản      Số tài khoản/Account No. (?):..... Tại Vietbank/At bank:.....

Debit from Account      Tỷ giá/Rate

Số tiền bằng số/Amount in figures:.....

Số tiền bằng chữ/Amount in words:.....

BẢNG KÊ THU ĐỔI NGOẠI TỆ			
List of money exchange			
Mệnh giá Denomination	Số lượng Quantity	Tỷ giá Rate	Thành tiền VND Amount in VND
TỔNG CỘNG/ Total			

BẢNG KÊ CHI VND		
List of cash expenditures in VND		
Mệnh giá Denomination	Số lượng Quantity	Thành tiền Amount
TỔNG CỘNG/ Total		

Khách hàng vui lòng kiểm đếm tiền trước khi rời khỏi quầy

Số tiền VND sau khi thu đổi/bán ngoại tệ/Amount of VND after exchanging/selling money:.....

Bằng chữ/In words:.....

Phương thức nhận VND sau khi thu đổi/bán ngoại tệ/Method of receiving VND after exchanging/selling money:

Chuyển khoản/ Transfer to Account

✓ Tên tài khoản/Account Name:.....

✓ Số tài khoản/Account No.:..... Tại ngân hàng/At bank:.....

✓ Phí chuyển tiền/Transfer fee:

Tiền mặt/In cash

Trừ vào số tiền VND quy đổi trước khi chuyển tiền/Deducted from the converted amount in VND before transferring money

Tiền mặt/In cash

✓ Người lĩnh tiền/Receiver:.....

✓ Số GTTT/ID No.:..... Ngày cấp/Date of issue:..... Nơi cấp/Place of issue:.....

Kế toán trưởng  
Chief Accountant

Người đề nghị/Chủ tài khoản  
Applicant/Account Holder

Người lĩnh tiền  
Receiver  
(Đã nhận đủ tiền/Received in full)

PHẦN DÀNH CHO VIETBANK/ FOR VIETBANK USE

**Giao dịch viên**  
*Teller*

**Cấp kiểm soát**  
*Supervisor*

**Người thu tiền**  
*Cashier*

**Người chi tiền**  
*Cashier*